

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. GIỚI THIỆU:

1. Tên dự án: Rà soát, điều chỉnh và xây dựng các định mức đặc thù chuyên ngành dịch vụ công ích đô thị và xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Tên gói thầu: Gói thầu số 3: Tư vấn rà soát, điều chỉnh và xây dựng các định mức đặc thù chuyên ngành dịch vụ công ích đô thị và xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk

4. Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước cấp năm 2026

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng)

6. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

7. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/2026

8. Loại hợp đồng: Trọn gói.

9. Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày

10. Mục đích tuyển chọn nhà thầu: Lựa chọn nhà thầu tư vấn có uy tín, đủ năng lực thực hiện gói thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ thực hiện theo yêu cầu của gói thầu, tuân thủ các quy định của nhà nước có liên quan.

II. Phạm vi công việc:

1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 90/2025/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn các phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8

năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 18/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng;

- Quyết định số 637/QĐ-BXD ngày 22/5/2018 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn công tác rà soát định mức để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng trong quá trình thực hiện Đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 18/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 1113/QĐ-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức chi phí rà soát, xây dựng định mức và giá xây dựng

2. Mục tiêu và yêu cầu nhiệm vụ:

- Kiểm tra, rà soát sự phù hợp của tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật thi công; quy trình tổ chức thi công các công đoạn, bước công việc của công tác; điều kiện thi công; yêu cầu về trình độ tay nghề nhân công, về sử dụng máy và thiết bị thi công.

- Loại bỏ định mức các công tác có công nghệ, biện pháp thi công đã quá lạc hậu hoặc trùng lặp giữa các tập định mức công bố.

- Sửa đổi, hiệu chỉnh các vấn đề còn tồn tại, bất cập (chưa rõ ràng, thiếu thông tin, chưa phù hợp) trong nội dung thành phần cơ cấu của từng định mức để đủ điều kiện, cơ sở áp dụng trong quá trình lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đảm bảo nguyên tắc tính đúng, tính đủ.

- Xây dựng các định mức cho các công tác mới chưa có trong hệ thống định mức hiện hành.

3. Mục đích gói thầu:

- Lựa chọn nhà thầu tư vấn có uy tín, đủ năng lực thực hiện gói thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ thực hiện theo yêu cầu của gói thầu, tuân thủ các quy định của nhà nước có liên quan

- Rà soát định mức dự toán đặc thù chuyên ngành dịch vụ công ích và xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo ý kiến chỉ đạo của Sở Xây dựng;

- Về sản phẩm: xây dựng và rà soát định mức phải phản ánh đúng, đủ các hao phí thực hiện công tác theo quy định;

- Về chi phí thực hiện: chi phí thực hiện phải tính đúng, tính đủ nhằm đảm bảo nguồn kinh phí để thực hiện dự án. Việc tính toán chi phí phải phù hợp với nội dung công việc thực hiện và theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Nội dung công việc cụ thể của gói thầu

4.1. Các công việc chủ yếu của việc rà soát, điều chỉnh và xây dựng các định mức đặc thù chuyên ngành dịch vụ công ích đô thị và xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk:

Căn cứ Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 8/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Ban hành các định mức dự toán đặc thù chuyên ngành dịch vụ công ích đô thị và xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Ban hành định mức dự toán một số sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Việc rà soát định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo phương pháp hiện hành.

4.2. Kế hoạch triển khai công việc rà soát, điều chỉnh và xây dựng các định mức đặc thù chuyên ngành dịch vụ công ích đô thị và xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk:

- Công tác rà soát định mức (173 định mức):

+ Định mức dự toán duy tu, duy trì và vận hành thoát nước đô thị: 35 định mức;

+ Định mức dự toán duy tu, duy trì cây xanh đô thị, hệ thống chiếu sáng đô thị: 126 định mức;

+ Định mức dự toán lĩnh vực xây dựng: 12 định mức;

- Công tác xây dựng định mức (45 định mức):

+ Định mức dự toán duy tu, duy trì cây xanh đô thị, hệ thống chiếu sáng đô thị: 45 định mức;

Chi tiết cụ thể như sau:

STT	Tên công tác xây dựng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải		35	
I.1	Kiểm tra mạng lưới thoát nước thải		10	
1	Kiểm tra tuyến ống thoát nước bằng máy ghi hình	50m đường ống	2	RS
2	Kiểm tra giếng thăm, giếng kiểm tra bằng thủ công	1 giếng	1	RS
3	Kiểm tra giếng chuyển hướng bằng phương pháp thủ công	1 giếng	1	RS
4	Kiểm tra hộp nổi bằng phương pháp thủ công	1 giếng	1	RS
5	Vệ sinh giếng thăm, giếng kiểm tra bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	1 giếng	1	RS

STT	Tên công tác xây dựng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
6	Vệ sinh giếng chuyển hướng bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	1 giếng	1	RS
7	Vệ sinh giếng hộp nối bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	1 giếng	1	RS
8	Vệ sinh tuyến đường ống bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	50m đường ống	2	RS
I.2	Quản lý vận hành trạm bơm C2A		5	
1	Xả tràn khẩn cấp	1 lần thực hiện	1	RS
2	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc của hố van) đầu vào	1 lần thực hiện	1	RS
3	Vệ sinh hàm bơm	1 lần thực hiện	1	RS
4	Vệ sinh bơm chìm, đáy hàm bơm	1 lần thực hiện	1	RS
5	Vận hành hệ thống bơm chìm	1 lần thực hiện	1	RS
I.3	Quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải		11	
1	Đo lưu lượng nước thải qua máng đo lưu lượng	1 lần thực hiện	1	RS
2	Xả cặn tại công trình thu	1 lần thực hiện	1	RS
3	Hút, vệ sinh hố xả cặn tại công trình thu (Hút, vệ sinh 01 lần/ngày)	1 lần thực hiện	1	RS
4	Vệ sinh thác làm thoáng	1 thác	1	RS
5	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào	1 lần thực hiện	1	RS
6	Vệ sinh hố phân chia lưu lượng, hố thu hàm tự hoại	1 lần thực hiện	1	RS
7	Vệ sinh giếng kiểm tra bằng thủ công	1 lần thực hiện	1	RS
8	Vớt rác tích đọng trên mặt hồ	1.000 m2	3	RS

STT	Tên công tác xây dựng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
9	Bảo vệ bên trong khu vực nhà máy xử lý nước thải	1 ha/24giờ ngày đêm	1	RS
I.4	Quản lý vận hành trạm bơm tái sử dụng nước thải		5	
1	Lắp đặt tấm chắn (tấm phai bằng gỗ) ngăn nước dòng suối	lần	1	RS
2	Tháo dỡ tấm chắn (tấm phai bằng gỗ) ngăn nước dòng suối	lần	1	RS
3	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào	1 lần thực hiện	1	RS
4	Vệ sinh hầm bơm (thực hiện 01 lần/tuần)	1 lần thực hiện	1	RS
5	Vận hành hệ thống bơm tái sử dụng nước thải	1 máy bơm/ngày	1	RS
I.5	Quản lý vận hành các bể chứa nước và hệ thống tuyến ống tái sử dụng nước thải		2	
1	Vận hành các bể chứa nước tái sử dụng	1 bể chứa nước thải tái sử dụng	1	RS
2	Vận hành các tuyến ống tự chảy	1.000 m đường ống	1	RS
I.6	Công tác vệ sinh miệng hố thu nước, hố ga		2	
1	Vệ sinh miệng hố thu nước, hố ga bằng thủ công	100 hố	1	RS
2	Vệ sinh miệng hố thu nước bằng xe phun rửa áp lực	1 hố	1	RS
II	Duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn chiếu sáng đô thị và tín hiệu giao thông		87	
II.1	Duy trì, vệ sinh công viên		12	
1	Quét rác trong công viên	1.000m2	3	RS
2	Duy trì hồ cảnh và bể phun nước nghệ thuật	100m2	1	RS

STT	Tên công tác xây dựng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
3	Tuần tra và bảo vệ	1 ha/ngày đêm	4	RS
4	Duy trì tượng, tiểu cảnh.	1 tượng/lần 100m2 tiểu cảnh/lần	2	BS
5	Duy trì hệ thống tưới tự động (bơm, tủ điều khiển, đầu phun...)	1 hệ thống/lần	1	BS
6	Duy trì thiết bị thể dục thể thao tại công viên	1 thiết bị/lần	1	BS
7	Vệ sinh công viên	100m2	1	BS
II.2	Quản lý, sửa chữa hệ thống chiếu sáng đô thị và hệ thống tín hiệu giao thông		26	
1	Thay thế các thiết bị đóng ngắt	1 cái	3	RS
2	Xử lý chập chập	1 vụ	2	RS
3	Lắp đặt dây đèn rủ > 5m lên cây xanh	100 dây	1	RS
4	Quản lý hệ thống đèn tín hiệu giao thông	chốt/ngày đêm	1	RS
5	Thay kính đèn tín hiệu giao thông	20 cái	2	RS
6	Thay module đèn tín hiệu giao thông	1 Module	1	RS
7	Thay các thiết bị khác của hệ thống đèn tín hiệu giao thông	1 cái	5	RS
8	Thay bộ ruột tủ đèn tín hiệu giao thông	1 bộ	1	RS
9	Thay Board đèn đếm số lùi D300-400mm	Cái	1	BS
10	Thay Board hiển thị Led 7 đoạn màu vàng D300-400mm	Cái	1	BS
11	Sửa chữa chập chập, sự cố lưới điện đèn tín hiệu giao thông	1 nút (chốt)	1	RS

STT	Tên công tác xây dựng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
12	Duy tu, bảo dưỡng tủ, cột đèn, bầu đèn, mặt đèn tín hiệu giao thông	1 tủ, 1 cột, 1 cái	3	RS
13	Quản lý, duy tu bảo dưỡng bảng tên đường, trụ sắt đường kính Ø6cm, 02 bảng tên đường 2 mặt 30x50cm	1 bộ/năm	1	RS
14	Quản lý, duy tu bảo dưỡng biển báo phản quang tròn (gồm trụ sắt đường kính Ø8cm, biển báo phản quang tròn đường kính 70cm)	1 bộ/năm	1	RS
15	Quản lý, duy tu bảo dưỡng biển báo phản quang hình tam giác (gồm trụ sắt đường kính Ø8cm biển báo phản quang hình tam giác đều cạnh 70cm)	1 bộ/năm	1	RS
16	Quản lý, duy tu bảo dưỡng biển báo phản quang hình vuông, hình chữ nhật (gồm trụ sắt đường kính Ø8cm, biển báo phản quang hình vuông hoặc hình chữ nhật)	1 bộ/năm	1	RS
II.3	Công tác quản lý, duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị		34	
1	Đánh số cột đèn chiếu sáng bằng decal:	20 cột	2	RS
2	Thay bộ đèn cao áp led	20 bộ	1	RS
3	Phát quang cây xanh che khuất đèn cao áp	1 vị trí cột đèn thực hiện	1	RS
4	Thay thế bóng đèn chiếu sáng tầm thấp hệ thống chiếu sáng công cộng:	20 bóng	4	RS
5	Thay thế kẹp xuyên cáp trên lưới chiếu sáng	20 cái	2	RS
6	Thay dây lên đèn	20m dây thay	1	RS
7	Thay thế thiết bị tủ lưu điện đèn tín hiệu giao thông	1 thiết bị	2	RS
8	Thay thế thiết bị bảng thông tin điện tử:	1 thiết bị	6	RS

STT	Tên công tác xây dựng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
9	Thay thế thiết bị bằng thông tin điện tử	1 thiết bị	4	RS
10	Thay thế máy bơm chìm hồ phun nước nghệ thuật	1 cái	1	RS
11	Quản lý vận hành cổng chào điện tử	1 cụm/ngày	1	BS
12	Thay kẹp dừng 1 pha, 3 pha	Cái	2	BS
13	Lắp đặt dây đai Inox	Cái	1	BS
14	Lắp đặt khóa đai Inox	Cái	1	BS
15	Thay các logo, biểu tượng lắp trên các trụ đèn chiếu sáng	Cái	1	BS
16	Kích ống sắt vượt đường giao thông để luồn cáp ngầm	100m	1	BS
17	Thay bộ nguồn đèn LED chiếu sáng đường phố	1 bộ	1	BS
18	Lắp đặt bảng mặt đèn LED trên cổng chào điện tử	1m2	1	BS
19	Treo cờ (lá cờ Đảng, lá cờ tổ quốc, lá cờ phướn)	1 cái	1	BS
II.4	Hệ thống nhạc nước		8	
1	Vận hành hệ thống nhạc nước	1 buổi/hệ thống	4	RS
2	Bảo trì định kỳ hệ thống nhạc nước	hệ thống	2	BS
3	Thay thế vật tư chuyên dụng phục vụ hệ thống nhạc nước (đèn Led, vòi phun kỹ thuật số)	thiết bị	2	BS
II.5	Hệ thống đèn năng lượng mặt trời		7	
1	Lắp đặt trụ đèn và đèn năng lượng mặt trời	Cái	2	BS
2	Duy trì hệ thống đèn năng lượng mặt trời	hệ thống	1	BS

STT	Tên công tác xây dựng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
3	Thay thế vật tư chuyên dụng phục vụ hệ thống đèn năng lượng mặt trời (tấm pin thu năng lượng mặt trời, bình ắc quy, pin lưu trữ, bộ điều khiển)	thiết bị	4	BS
III	Các công tác trồng và duy trì cây xanh		74	
III.1	Trồng mới các loại cây		52	
1	Trồng cây xanh	cây	3	RS
2	Vận chuyển cây bằng cơ giới	cây	3	RS
3	Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng	1 cây/90 ngày	2	RS
4	Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng	1 cây/90 ngày	2	RS
5	Trồng cỏ lá gừng (bồn cỏ gốc cây)	1m2	1	RS
6	Bảo dưỡng bồn cỏ sau khi trồng	bồn/tháng	3	RS
7	Trồng cây cảnh, cây tạo hình, cây trở hoa	cây	7	RS
8	Trồng hoa công viên	100m2	2	RS
9	Trồng cây hàng rào đường viên	100m2	1	RS
10	Trồng cây lá màu bồn cảnh	100m2	1	RS
11	Trồng cỏ	100m2	2	RS
12	Trồng cây hoa cúc	100 cây	1	RS
13	Tưới nước bảo dưỡng bồn hoa, thảm cỏ, bồn cảnh, hàng rào, nước lấy từ giếng khoan (bơm xăng)	100m2/tháng	2	RS

STT	Tên công tác xây dựng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
14	Tưới nước bảo dưỡng bồn hoa, thảm cỏ, bồn cảnh, hàng rào, nước lấy từ máy nước	100m ² /tháng	1	RS
15	Tưới nước bảo dưỡng bồn hoa, bồn cảnh, hàng rào bằng xe bồn	100m ² /tháng	2	RS
16	Trồng cây vào chậu	1 chậu	4	RS
17	Tưới nước bảo dưỡng chậu cây cảnh bằng nước giếng khoan	100chậu/tháng	2	RS
18	Tưới nước bảo dưỡng chậu cây cảnh, bằng nước máy	100chậu/tháng	1	RS
19	Tưới nước bảo dưỡng chậu cây cảnh, bằng xe bồn	100chậu/tháng	2	RS
20	Phun thuốc trừ sâu, bệnh cây bóng mát bằng máy	1 cây	2	RS
21	Phun thuốc trừ sâu, bệnh cây bóng mát loại 2, loại 3 bằng máy	1 cây	2	BS
22	Vận chuyển, xếp chậu cây cảnh, hoa trang trí $d \leq 15\text{cm}$, $15\text{cm} < d \leq 30\text{cm}$	1 chậu	2	BS
23	Tưới nước thảm cỏ thuần chủng bằng hệ thống béc tự động	100m ² /tháng	1	BS
24	Tưới nước cây hàng rào, bồn cảnh lá màu bằng hệ thống béc tự động	100m ² /tháng	1	BS
25	Tưới nước cây cảnh tạo hình, cây cảnh trở hoa bằng hệ thống béc tự động	100chậu/tháng	1	BS
26	Tưới nước hoa cảnh trồng chậu nhựa nhỏ ($< 20\text{cm}$)	100 cây	1	BS
III.2	Vận chuyển rác cây xanh		8	
1	Vận chuyển rác lấy cành khô, cành gãy do đông bão, cắt cành tạo tán	1 cây	3	RS
2	Vận chuyển rác cây đốn hạ, cây đốn ngã	cây	3	RS
3	Vận chuyển rác cây, cắt thấp tán, không chế chiều cao	cây	1	RS

STT	Tên công tác xây dựng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	Vận chuyển phế thải, rác thảm cỏ gốc cây	100 bồn	1	RS
III.3	Công tác quản lý, duy trì hệ thống cây xanh		14	
1	Quét vôi gốc cây xanh dưới 2 năm tuổi	20 cây	1	RS
2	Phát dọn cỏ dại bằng máy kết hợp thủ công	100m ²	2	RS
3	Vận chuyển cây bóng mát bằng thủ công cự ly bình quân 20m:	1 cây	2	RS
4	Đánh số quản lý cây xanh:	100 cây	2	RS
5	Bứng và di dời cây xanh	1 cây	1	RS
6	Bứng di dời cây cảnh trở hoa, cây cảnh tạo hình	1 cây	1	BS
7	Bứng di dời cây bóng mát loại 2, loại 3	1 cây	2	BS
8	Bảo dưỡng cây cảnh sau khi di dời	1 cây/90 ngày	1	BS
9	Cắt thấp tán không chế chiều cao cây loại 2, 3 (vị trí xe không vào được)	1 cây	2	BS
IV	Định mức dự toán xây tường bằng gạch không nung (ximăng cốt liệu 4 lỗ 80x80x180mm) trong xây dựng công trình		12	
1	Xây tường chiều dày ≤10cm	1m ³	4	RS
2	Xây tường chiều dày ≤30cm	1m ³	4	RS
3	Xây tường chiều dày >30cm	1m ³	4	RS
V	Công tác duy trì vệ sinh môi trường đô thị		5	
1	Quét dọn, vệ sinh các tuyến đường giáp chợ	1000m ²	2	RS

STT	Tên công tác xây dựng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
2	Quản lý vận hành nhà vệ sinh công cộng	nhà/ngày	1	BS
3	Xịt rửa lòng đường, hè phố bằng xe phun rửa áp lực	100m ²	1	BS
4	Chà, rửa hè phố lát đá/gạch (kết hợp máy chà + xe áp lực)	100m ²	1	BS
VI	Quản trang nghĩa trang	1 ha/ngày đêm	1	
VII	Cứu hộ, cứu nạn bãi tắm biển	Bãi tắm/ngày	1	RS
VIII	Sàng cát bãi tắm biển	10.000m ² bãi biển/lần	2	RS
Tổng cộng			218	

5. Nguyên tắc, phương pháp, trình tự thực hiện:

5.1. Nguyên tắc, phương pháp thực hiện

Rà soát định mức dự toán để loại bỏ các định mức đã lạc hậu; hoặc hiệu chỉnh các định mức dự toán chưa phù hợp với năng suất, trình độ quản lý hiện hành; hoặc xây dựng bổ sung các định mức dự toán có công nghệ, biện pháp thi công mới

Nội dung rà soát hệ thống định mức đã ban hành

a) Nghiên cứu về công nghệ xây dựng, biện pháp thi công đang được sử dụng phổ biến của các công tác xây dựng;

b) Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật thi công; quy trình tổ chức thi công các công đoạn, bước công việc của công tác xây dựng; điều kiện thi công; yêu cầu về trình độ tay nghề nhân công xây dựng, về sử dụng máy và thiết bị thi công và các số liệu khảo sát thực tế, dữ liệu định mức công trình đã có để đánh giá, xác định, hoàn thiện và cập nhật các thành phần nội dung định mức dự toán của công tác xây dựng gồm:

- Tên định mức, đơn vị tính của định mức;
- Quy định áp dụng định mức;
- Thành phần công việc, quy trình tổ chức thi công xây dựng;
- Các thành phần hao phí của định mức và trị số hao phí định mức.
- Các ghi chú (nếu có).

5.2. Trình tự thực hiện

5.2.1. Đối với nhóm các công tác đề xuất không điều chỉnh

Căn cứ danh mục công tác cần rà soát định mức, trình tự thực hiện như sau: Phân tích, so sánh về yêu cầu kỹ thuật, điều kiện lao động, vận hành, biện pháp

thi công, vận hành cụ thể, thành phần công việc, hao phí của công tác so với nội dung định mức dự toán đã được ban hành. Trường hợp không có thay đổi, đề xuất không điều chỉnh định mức.

5.2.2 Đối với nhóm các công tác đề xuất điều chỉnh

Việc điều chỉnh định mức dự toán được thực hiện đối với công tác thi công, vận hành đã được quy định trong hệ thống định mức xây dựng được cơ quan có thẩm quyền ban hành nhưng chưa phù hợp với yêu cầu sản xuất, vận hành, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công công tác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau sáp nhập).

Trên cơ sở kế hoạch rà soát các định mức dự toán xây dựng đã ban hành, việc thực hiện rà soát theo trình tự sau:

Bước 1: Nghiên cứu, đánh giá xác định các nội dung bất cập đối với định mức dự toán đã ban hành.

Bước 2: Tổ chức thu thập số liệu:

a) Khảo sát gián tiếp đối với các tổ chức, cá nhân tham gia trong quá trình xây dựng gồm: nhà thầu thi công; nhà thầu tư vấn; nhà sản xuất, cung cấp máy móc thiết bị thi công; cơ quan quản lý nhà nước, Ban Quản lý dự án/Chủ đầu tư;

b) Khảo sát trực tiếp tại các công trình, dự án đầu tư xây dựng.

c) Tổng hợp dữ liệu các định mức dự toán mới, định mức dự toán điều chỉnh của các công trình, của các tổ chức, cá nhân gửi về cơ quan ban hành định mức.

Bước 3: Tổng hợp, thống kê, phân loại, xử lý số liệu thu thập và tính toán định mức.

a) Tổng hợp, thống kê, đánh giá và phân loại theo các nhóm định mức (loại bỏ, điều chỉnh, bổ sung mới); phân loại số liệu theo các điều kiện, yêu cầu kỹ thuật đối với công tác xây dựng.

b) Xử lý số liệu, tính toán xác định hao phí định mức của từng công đoạn thi công của công tác xây dựng và tổng hợp theo từng thành phần hao phí vật liệu, nhân công, máy thi công của định mức dự toán.

Bước 4: Tổng hợp định mức dự toán

Ban hành đầy đủ các thành phần nội dung định mức dự toán xây dựng như nêu tại điểm b khoản 3 nêu trên và đảm bảo yêu cầu sau:

(1) Mã hiệu: theo quy định của Bộ Xây dựng;

(2) Tên định mức: thể hiện rõ công nghệ xây dựng, biện pháp thi công, yêu cầu kỹ thuật của công tác xây dựng được xác định định mức;

(3) Đơn vị tính định mức: phù hợp với đơn vị tính khối lượng của công tác;

(4) Phạm vi áp dụng và hướng dẫn sử dụng định mức: Mô tả rõ về điều kiện tổ chức thi công, phạm vi thực hiện công việc và các điều kiện đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường được quy định cho công tác xây dựng được tính toán định mức; các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật được áp dụng cho công tác xây dựng;

(5) Thành phần công việc: Mô tả rõ về quy trình công nghệ thi công áp dụng cho công tác, thể hiện rõ các bước công việc (công đoạn) thuộc công tác xây dựng được xác định, tính toán trong định mức (kèm theo sơ đồ thi công của công tác), thể hiện rõ các loại vật tư, máy móc, thiết bị và nhân công được sử dụng tương ứng với biện pháp thi công áp dụng đối với từng bước công việc trong quy trình thi công;

(6) Định mức cơ sở của từng công đoạn, bước công việc gồm: định mức sử dụng vật liệu, định mức năng suất lao động, định mức năng suất máy và thiết bị thi công;

(7) Bảng định mức dự toán: tổng hợp các thành phần định mức cơ sở của các bước công việc.

5.2.3 Đối với nhóm các công tác bổ sung mới

Việc xác định định mức dự toán mới của công tác xây dựng đặc thù được thực hiện đối với các công tác chưa được quy định hoặc đã được quy định nhưng sử dụng công nghệ, quy trình, điều kiện, biện pháp thi công chưa quy định trong hệ thống định mức dự toán được cơ quan có thẩm quyền ban hành

Xây dựng định mức mới theo phương pháp hiện hành:

Theo phụ lục số III Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng. Định mức dự toán xây dựng mới của công trình được xác định theo trình tự sau:

Bước 1. Lập danh mục công tác, công việc xây dựng hoặc kết cấu mới của công trình chưa có trong danh mục định mức dự toán được công bố

Danh mục công tác, công việc xây dựng hoặc kết cấu mới đảm bảo yêu cầu thể hiện rõ đơn vị tính khối lượng và yêu cầu về kỹ thuật, điều kiện, biện pháp thi công chủ yếu của công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng.

Bước 2. Xác định thành phần công việc

Thành phần công việc thể hiện các bước công việc thực hiện của từng công đoạn theo thiết kế tổ chức dây chuyền công nghệ thi công từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành, phù hợp với điều kiện, biện pháp thi công và phạm vi thực hiện công việc của công tác hoặc kết cấu xây dựng.

Bước 3: Tính toán hao phí vật liệu, nhân công và máy thi công

1. Tính toán hao phí vật liệu

1.1. Xác định thành phần hao phí vật liệu

Thành phần hao phí vật liệu là những vật liệu được xác định theo yêu cầu thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, quy phạm kỹ thuật về thiết kế - thi công - nghiệm thu theo quy định và những vật liệu khác để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác hoặc kết cấu xây dựng. Thành phần hao phí vật liệu gồm:

1.1.1. Vật liệu chính: là những loại vật liệu cơ bản tham gia cấu thành nên một đơn vị sản phẩm theo thiết kế và có tỷ trọng chi phí lớn trong chi phí vật liệu.

- Đơn vị tính được xác định theo quy định trong hệ thống đơn vị đo lường thông thường hoặc bằng hiện vật.

1.1.2. *Vật liệu khác*: là những loại vật liệu tham gia cấu thành nên một đơn vị sản phẩm theo thiết kế nhưng có tỷ trọng chi phí nhỏ trong chi phí vật liệu.

- Đơn vị tính được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với chi phí của các loại vật liệu chính trong chi phí vật liệu.

1.2. Tính toán mức hao phí vật liệu

Mức hao phí vật liệu là lượng hao phí cần thiết theo yêu cầu thiết kế để hoàn thành một đơn vị khối lượng của công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng.

1.2.1 Công thức tính toán hao phí vật liệu chính như sau:

a) *Vật liệu không luân chuyển*

$$VL_1 = Q^V \times (1 + H_{v/c}) \quad (5.1)$$

Trong đó:

- Q^V : lượng hao phí của vật liệu cần thiết theo yêu cầu thiết kế tính trên đơn vị tính định mức.

- $H_{v/c}$: tỷ lệ hao hụt vật liệu trong thi công theo hướng dẫn trong định mức sử dụng vật liệu được công bố. Đối với những vật liệu mới, tỷ lệ hao hụt vật liệu trong thi công có thể vận dụng theo định mức sử dụng vật liệu đã được công bố; theo tiêu chuẩn, chỉ dẫn của nhà sản xuất; theo hao hụt thực tế hoặc theo kinh nghiệm của chuyên gia.

b) *Vật liệu luân chuyển*

Lượng hao phí vật liệu phục vụ thi công theo thiết kế biện pháp tổ chức thi công được xác định theo kỹ thuật thi công và số lần luân chuyển theo định mức sử dụng vật liệu được công bố hoặc tính toán đối với trường hợp chưa có trong định mức sử dụng vật liệu.

Công thức tính toán

$$VL_2 = Q_{LC}^V \times (1 + H_{v/c}) \times K_{LC} \quad (5.2)$$

Trong đó:

- Q_{LC}^V : lượng hao phí vật liệu luân chuyển.

- $H_{v/c}$: được xác định như công thức (5.1).

- K_{LC} : hệ số bù vật liệu khi luân chuyển được xác định theo định mức sử dụng vật liệu do Bộ Xây dựng công bố.

+ Đối với vật liệu có số lần luân chuyển, tỷ lệ bù hao hụt khác với quy định trong định mức sử dụng vật liệu được công bố. Hệ số K_{LC} được xác định theo công thức sau:

$$K_{LC} = \frac{h \times (n-1)}{2n} \quad (5.3)$$

Trong đó:

h: tỷ lệ được bù hao hụt từ lần thứ 2 trở đi, trường hợp không bù hao hụt $h=0$.

n: số lần sử dụng vật liệu luân chuyển.

1.2.2. Xác định hao phí vật liệu khác

Đối với các loại vật liệu khác được định mức bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với tổng chi phí các loại vật liệu chính định lượng trong định mức dự toán xây dựng và được xác định theo loại công việc, tham khảo theo số liệu kinh nghiệm của chuyên gia hoặc định mức dự toán của công trình tương tự.

2. Tính toán hao phí nhân công

Hao phí nhân công được xác định trên số lượng, cấp bậc công nhân trực tiếp theo cấp bậc bình quân (không bao gồm công nhân điều khiển máy và thiết bị thi công xây dựng) thực hiện để hoàn thành đơn vị khối lượng công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng theo một chu kỳ hoặc theo nhiều chu kỳ.

Mức hao phí nhân công được tính toán theo phương pháp sau:

2.1. Theo dây chuyền công nghệ tổ chức thi công

Mức hao phí nhân công cho một đơn vị khối lượng công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng được xác định theo tổ chức lao động trong dây chuyền công nghệ phù hợp với điều kiện, biện pháp thi công của công trình.

Công thức xác định mức hao phí nhân công như sau:

$$NC = \frac{T_{NC}}{Q} \times K_{cd} \quad (5.4)$$

Trong đó:

- NC: mức hao phí nhân công cho một đơn vị khối lượng công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng.
- T_{NC} : số ngày công cần thực hiện để hoàn thành khối lượng công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng.
- Q: khối lượng cần thực hiện của công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng.
- K_{cd} : hệ số chuyển đổi sang định mức dự toán xây dựng. Hệ số này phụ thuộc vào nhóm công tác, công việc (đơn giản hay phức tạp theo dây chuyền công nghệ tổ chức thi công), yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, chu kỳ làm việc liên tục hoặc gián đoạn, khối lượng thực hiện công việc liên tục của công tác. $K_{cd} = 1,05 \div 1,3$ được xác định theo kinh nghiệm chuyên gia.

2.2 Theo số liệu thống kê của công trình đã và đang thực hiện có điều kiện, biện pháp thi công tương tự

Mức hao phí nhân công cho một đơn vị khối lượng công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng được tính toán trên cơ sở phân tích các số liệu tổng hợp, thống kê.

Mức hao phí nhân công được xác định theo công thức (5.4)

2.3. Theo số liệu khảo sát thực tế

Mức hao phí nhân công cho một đơn vị khối lượng của công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng được tính toán trên cơ sở số lượng công nhân từng khâu trong dây chuyền sản xuất và tổng số lượng công nhân trong cả dây chuyền theo số liệu khảo sát thực tế của công trình (theo thời gian, địa điểm, khối lượng thực

hiện trong một hoặc nhiều chu kỳ...) và tham khảo các quy định về sử dụng công nhân.

Công thức xác định mức hao phí nhân công như sau:

$$NC = \sum (t_{dm}^g \times K_{cd}) \times K_{tgn} \quad (5.5)$$

- t_{dm}^g : là mức hao phí nhân công trực tiếp từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc công việc của từng công đoạn hoặc theo dây chuyền công nghệ thi công cho một đơn vị khối lượng công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng cụ thể (giờ công).

- K_{cd} : được xác định theo công thức (5.4).

- $K_{tgn} = 1/8$: hệ số chuyển đổi từ định mức giờ công sang định mức ngày công.

2.4. Phương pháp kết hợp

Căn cứ điều kiện cụ thể, có thể kết hợp 3 phương pháp trên để xác định hao phí nhân công cho công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng chưa có trong hệ thống định mức dự toán xây dựng được công bố.

3. Tính toán hao phí máy thi công

3.1. Xác định thành phần hao phí máy thi công

Thành phần hao phí máy thi công là những máy, thiết bị thi công được xác định theo thiết kế tổ chức thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng. Thành phần hao phí máy thi công bao gồm:

3.1.1. *Máy thi công chính*: là những máy thi công chiếm tỷ trọng chi phí lớn trong chi phí máy thi công trên đơn vị khối lượng công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng.

3.1.2. *Máy khác*: là những loại máy thi công có tỷ trọng chi phí nhỏ trong chi phí máy thi công trên đơn vị khối lượng công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng.

- Đơn vị tính được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với tổng chi phí của các loại máy và thiết bị thi công chính trong chi phí máy và thiết bị thi công.

3.2. Xác định mức hao phí máy và thiết bị thi công

Mức hao phí máy và thiết bị thi công là lượng hao phí cần thiết theo yêu cầu dây chuyền công nghệ tổ chức thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng của công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng.

Tính toán hao phí máy thi công chính

Công thức tổng quát xác định mức hao phí máy thi công chính như sau:

$$M = \frac{1}{Q_{CM}} \times K_{cd} \times K_{cs} \quad (5.6)$$

Trong đó:

- K_{cd} : hệ số chuyển đổi sang định mức dự toán xây dựng. Hệ số này phụ thuộc vào nhóm công tác, công việc (đơn giản hay phức tạp theo dây chuyền công nghệ tổ chức thi công), yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, chu kỳ làm việc liên tục hoặc gián

đoạn, khối lượng thực hiện công việc liên tục của công tác. $K_{cd} \leq 1,05$ được xác định theo kinh nghiệm chuyên gia.

- K_{cs} : hệ số sử dụng công suất là hệ số phản ánh việc sử dụng hiệu quả năng suất của tổ hợp máy trong dây chuyền liên hợp, hệ số này được tính toán theo năng suất máy thi công của các bước công việc và có sự điều chỉnh phù hợp khi trong dây chuyền dùng loại máy có năng suất nhỏ nhất, $K_{cs} \geq 1$.

- Q_{CM} : định mức năng suất máy thi công trong một ca.

Định mức năng suất máy thi công được xác định theo phương pháp như sau:

3.2.1. Theo dây chuyền công nghệ tổ chức thi công

Định mức năng suất máy thi công xác định theo thông số kỹ thuật của từng máy trong dây chuyền công nghệ tổ chức thi công hoặc tham khảo năng suất máy thi công trong các tài liệu về sử dụng máy hoặc xác định theo công thức sau.

$$Q_{CM} = N_{LT} \times K_t \quad (5.7)$$

Trong đó:

- N_{LT} : năng suất lý thuyết trong một ca

- K_t : hệ số sử dụng thời gian trong một ca làm việc của máy thi công.

3.2.2. Theo số liệu thống kê của công trình đã và đang thực hiện có điều kiện, biện pháp thi công tương tự

Định mức năng suất máy thi công được xác định trên cơ sở phân tích số liệu thống kê, tổng hợp từ công trình cho một đơn vị tính để hoàn thành khối lượng công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng theo nhiều chu kỳ của dây chuyền công nghệ tổ chức thi công tương tự và được xác định theo công thức sau:

$$Q_{CM} = \frac{m_{TK}}{t_{CM}} \times K_{tgm} \quad (5.8)$$

Trong đó:

- m_{TK} : khối lượng công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng cần thực hiện theo số liệu thống kê, tổng hợp.

- t_{CM} : thời gian hoàn thành khối lượng công tác, tổng hợp, công việc hoặc kết cấu xây dựng theo số liệu thống kê, tổng hợp (giờ máy).

- $K_{tgm} = 1/8$: hệ số chuyển đổi từ định mức giờ máy sang định mức ca máy.

3.2.3. Theo số liệu khảo sát thực tế

Định mức năng suất máy thi công được tính toán theo số liệu khảo sát (theo thời gian, địa điểm, khối lượng thực hiện trong nhiều chu kỳ...) của từng loại máy hoặc tham khảo các quy định về năng suất kỹ thuật của máy và các quy định về sử dụng máy thi công và được xác định theo công thức sau:

$$Q_{CM} = \frac{m_{KS}}{t_{CM}} \times K_{tgm} \quad (5.9)$$

Trong đó:

- m_{KS} : khối lượng công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng cần thực hiện theo số liệu khảo sát thực tế.

- t_{CM} : thời gian hoàn thành khối lượng công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng theo số liệu khảo sát thực tế (giờ máy).

- $K_{tgm} = 1/8$: hệ số chuyển đổi từ định mức giờ máy sang định mức ca máy.

3.2.4. Phương pháp kết hợp

Căn cứ điều kiện cụ thể, có thể kết hợp 3 phương pháp trên để xác định hao phí máy thi công cho công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng chưa có trong hệ thống định mức dự toán xây dựng được công bố.

Xác định hao phí máy và thiết bị thi công khác

Đối với các loại máy và thiết bị thi công khác được định mức bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với tổng chi phí các loại máy chính định lượng trong định mức xây dựng và được xác định theo loại công việc theo kinh nghiệm của chuyên gia hoặc định mức dự toán công trình tương tự.

Bước 4. Lập các tiết định mức trên cơ sở tổng hợp các hao phí về vật liệu, nhân công, máy thi công

Tập hợp các tiết định mức trên cơ sở tổng hợp các khoản mục hao phí về vật liệu, nhân công và máy thi công.

Mỗi tiết định mức gồm 2 phần:

1. Thành phần công việc: Thuyết minh rõ, đầy đủ nội dung các bước công việc theo thứ tự từ khâu chuẩn bị đến khi kết thúc hoàn thành công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng, bao gồm cả điều kiện và biện pháp thi công cụ thể.

2. Bảng định mức các khoản mục hao phí: Mô tả rõ tên, chủng loại, quy cách vật liệu chính trong công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng, và các vật liệu khác; cấp bậc công nhân xây dựng bình quân; tên, công suất của các loại máy, thiết bị thi công chính và một số máy, thiết bị khác trong dây chuyền công nghệ thi công để thực hiện hoàn thành công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng.

Trong bảng định mức, hao phí vật liệu chính được tính bằng hiện vật, các vật liệu khác tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với chi phí vật liệu chính; hao phí nhân công tính bằng ngày công theo cấp bậc công nhân xây dựng bình quân; hao phí máy, thiết bị thi công chính được tính bằng số ca máy, các loại máy khác được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với chi phí của các loại máy, thiết bị thi công chính.

Các tiết định mức xây dựng mới được tập hợp theo nhóm, loại công tác, công việc hoặc kết cấu xây dựng và thực hiện mã hoá thống nhất.

Việc bố trí nhân sự thực hiện việc quan sát, bấm giờ và ghi chép tại hiện trường phải thực hiện liên tục cho một ca là 8 tiếng. Ngoài ra để xác định thêm yếu tố rủi ro và dự kiến phát sinh tổ chuyên gia hiện trường sẽ thực hiện thêm 1 ngày cho cùng 1 công tác đó để có sự so sánh mức độ chênh lệch và hiệu chỉnh phù hợp. Vì vậy, thường các định mức mời theo kinh nghiệm chuyên gia phải thực hiện quan sát hiện trường tối thiểu không ít hơn 2 ngày cho mỗi định mức.

Ngoài ra việc tính toán, nhập liệu và hiệu chỉnh hồ sơ định mức sẽ thực hiện ít nhất 2 ngày cho mỗi định mức

6. Sản phẩm của nhiệm vụ:

- Báo cáo tổng hợp và tóm tắt kết quả thực hiện rà soát các định mức xây dựng đã công bố.

- Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật.

- Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán xác định, cập nhật định mức, trong đó thuyết minh rõ:

- a) Các nội dung thành phần công việc theo sơ đồ vận hành, dây chuyền công nghệ, quy trình kỹ thuật; mô tả rõ các thành phần hao phí vật liệu, nhân công và xe, máy, thiết bị được sử dụng tương ứng với các bước công việc, công đoạn (nếu có) của công tác được xác định, tính toán định mức;

- b) Các nội dung tổng hợp phân tích, đánh giá, xử lý số liệu và bảng tính toán trị số định mức.

- Báo cáo kết quả khảo sát phải tổng hợp đầy đủ số liệu từ các phiếu khảo sát tại các vị trí, các khu vực khác nhau để phản ánh đầy đủ các điều kiện, yêu cầu thực hiện cụ thể của công tác cần xây dựng định mức; đồng thời đảm bảo độ tin cậy, chính xác, mang tính đại diện, bình quân

- Phiếu khảo sát phải thể hiện các nội dung về tên dịch vụ; thời gian, địa điểm thực hiện khảo sát; điều kiện thực hiện như giao thông (nếu có), địa chất, thời tiết...; tiêu hao về vật liệu; trình độ công nhân, thời gian thực hiện của công nhân; chủng loại máy, thiết bị, thời gian thực hiện của máy, thiết bị.

- Tài liệu kèm theo gồm: Quy trình kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, sơ đồ dây chuyền công nghệ, tiêu chuẩn, định mức của nhà sản xuất (nếu có); các quy định pháp luật, tài liệu có liên quan được sử dụng để xác định định mức.

- Các tài liệu khác phục vụ quá trình xác định định mức (nếu có), như: nhật ký thực hiện dịch vụ, biên bản nghiệm thu khối lượng, hồ sơ máy, thiết bị.

7. Thời gian thực hiện: 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng với đơn vị tư vấn

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Tổng thời gian thực hiện gói thầu là: 90 ngày.

- Tiến độ nộp báo cáo: 01 lần/tháng.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Nhân lực của Nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với vị trí công việc được phân công trong gói thầu.

- Chức danh, trình độ và thời gian của nhân lực dự kiến tham gia thực hiện công việc được quy định cụ thể trong HSDT. Trường hợp thay đổi nhân lực, Nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư giải đáp cho các nhà thầu Tư vấn các vấn đề liên quan đến dự án, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà thầu tư vấn thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Tạo điều kiện tốt nhất có thể để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn.

- Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

- Xem xét yêu cầu, đề xuất của nhà thầu liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn xây dựng.

- Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu.

- Xem xét yêu cầu, đề xuất của nhà thầu liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn xây dựng.